

Số: 66 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**

(Từ 16h00 ngày 12/01/2022 đến 16h00 ngày 13/01/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc tới nay vượt hơn 317,7 triệu ca và hơn 5,5 triệu ca tử vong. Trong 24 giờ qua, thế giới có thêm 3,2 triệu ca nhiễm và hơn 8.400 người tử vong.

Biến thể Omicron lan nhanh khiến số ca mắc mới ở nhiều quốc gia tăng vọt, liên tục lập kỷ lục mới. Trong 24 giờ qua, có 7 quốc gia ghi nhận tới hàng trăm nghìn ca mắc mới. Mặc dù lan nhanh nhưng có nghiên cứu trên 70.000 bệnh nhân COVID-19 ở Mỹ cho thấy nguy cơ nhập viện do biến thể Omicron thấp hơn 50% so với Delta. Kết quả này phù hợp với những phát hiện tương tự từ Nam Phi, Anh và Đan Mạch, cũng như một loạt các thí nghiệm trên động vật. Dù độc lực của Omicron dường như ít nghiêm trọng hơn, nhưng các bệnh viện ở nhiều quốc gia đang phải chống chọi với số ca mắc mới tăng vọt.

Ngày 12/1, Nhà Trắng tuyên bố chính quyền Tổng thống Joe Biden đã thực hiện các bước để đảm bảo an toàn cho các trường học nối lại các chương trình giảng dạy trực tiếp toàn thời gian.

Bộ Y tế và Phúc lợi Hàn Quốc ngày 13/1 cho biết sẽ tiếp nhận 21.000 liều trình thuốc điều trị COVID-19 Paxlovid dạng uống đầu tiên của hãng dược Pfizer.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 13/01/2022, cả nước ghi nhận 1.975.444 ca mắc, trong đó 1.970.864 ca trong nước. Đến nay đã có 1.661.930 người khỏi bệnh, 34.964 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 1.972.592 ca, trong đó có 1.969.294 ca trong nước (99,8%), 1.659.133 người đã khỏi bệnh (84,1%), 34.929 tử vong tại 52 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 16.725 ca mắc mới, trong đó 16.700 ca ghi nhận trong nước (tăng 634 ca so với ngày trước đó) tại 63 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.968), Bình Phước (726), Bình Định (709), Hồ Chí Minh (701), Khánh Hòa (677), Đà Nẵng (657), Cà Mau (599), Bến Tre (593), Hải Phòng (497), Tây Ninh (451), Đắk Lắk (417), Trà Vinh (360), Vĩnh Long (359), Bắc Ninh (346), Thanh Hóa (337), Bà Rịa - Vũng Tàu (329), Hưng Yên (324), Quảng Ninh (294), Thừa Thiên Huế (290), Quảng Ngãi (276), Lâm Đồng (238), Vĩnh Phúc (215), Hòa Bình (211), Hải Dương (203), Quảng Nam (201), Bắc Giang (199), Thái Nguyên (193), Bạc Liêu (185), Hậu Giang (168), Hà Giang (162), Nghệ An (158), Bình Thuận (150), Đồng Tháp (141),

Cần Thơ (130), Nam Định (128), Tuyên Quang (126), Đắk Nông (123), Lạng Sơn (121), Thái Bình (121), An Giang (120), Đồng Nai (104), Sóc Trăng (101), Quảng Bình (99), Hà Nam (99), Gia Lai (93), Quảng Trị (83), Phú Yên (77), Kon Tum (76), Kiên Giang (76), Sơn La (73), Ninh Bình (69), Phú Thọ (68), Lào Cai (59), Tiền Giang (57), Điện Biên (55), Cao Bằng (50), Long An (49), Yên Bái (46), Lai Châu (44), Ninh Thuận (39), Hà Tĩnh (38), Bình Dương (24), Bắc Kạn (18).

+ 25 ca nhập cảnh ghi nhận tại Quảng Bình (5), Quảng Ninh (5), Tây Ninh (4), Nghệ An (3), Hồ Chí Minh (2), Hà Nội (1), Thái Nguyên (1), Lạng Sơn (1), Hà Tĩnh (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Kiên Giang (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.968 ca mắc, trong đó 239 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 535 ca tầm soát trong cộng đồng, 2.186 ca trong khu cách ly và 8 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (2.968 ca) được phân bố tại 30 quận, huyện như sau: Bắc Từ Liêm 277, Đống Đa 245, Nam Từ Liêm 209, Hoàng Mai 201, Cầu Giấy 196, Hoài Đức 173, Thanh Trì 171, Thanh Xuân 159, Hai Bà Trưng 144, Chương Mỹ 137, Hà Đông 129, Ba Đình 118, Tây Hồ 98, Đan Phượng 79, Ứng Hòa 75, Hoàn Kiếm 72, Đông Anh 63, Sóc Sơn 62, Thường Tín 51, Mê Linh 49, Gia Lâm 46, Phú Xuyên 45, Quốc Oai 41, Long Biên 36, Thanh Oai 32, Sơn Tây 17, Phúc Thọ 15, Mỹ Đức 11, Ba Vì 10, Thạch Thất 3 và 4 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Nam Định (giảm 99), Khánh Hòa (giảm 95), Bà Rịa - Vũng Tàu (giảm 71).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Đắk Lắk (tăng 416), Lạng Sơn (tăng 121), Bến Tre (tăng 94).

Đến nay, Việt Nam đã ghi nhận 50 hợp nhiễm biến thể Omicron ở 3 Miền Bắc, Trung, Nam. Đây là các trường hợp này nhập cảnh Việt Nam từ 10 quốc gia (Anh, Mỹ, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Kenya, Ucraina, Qatar, Estonia, Uganda, UAE) trên 20 chuyến bay với tổng số 2.495 hành khách đi cùng, đã được cách ly, quản lý kịp thời ngay khi nhập cảnh; sức khỏe của các trường hợp trên ổn định. Hiện chưa ghi nhận các trường hợp nhiễm biến thể Omicron thứ phát tại nước ta.

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 10.822 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 64,8% tổng số mắc trong ngày), giảm 67 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Đồng Nai: Trong ngày ghi nhận 66 ca cộng đồng (tăng 5 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 99.069 ca.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 774 ca cộng đồng (giảm 247 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 79.406 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 525 ca cộng đồng (bằng với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 15.996 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Đà Nẵng tăng 1.726 ca, TP. Hà Nội tăng 1.450 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Vĩnh Long (giảm 2.106 ca), TP. Hải Phòng (giảm 1.727 ca), Cà Mau (giảm 1.613 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.659.133 người đã khỏi bệnh (84,1%), tăng 26.031 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 278.530 trường hợp, trong đó có 6.006 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 4.320; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 798; (3) Thở máy không xâm lấn: 143; (4) Thở máy xâm lấn: 726; (5) EMO: 19.

- Trong ngày 12/01, ghi nhận 177 trường hợp tử vong (giảm 79 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (18) trong đó có 4 ca từ các tỉnh chuyển đến: Long An (2), Đồng Nai (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: Hà Nội (13), Bình Phước (13), Long An (13), Tiền Giang (13), Bến Tre (11 ca trong 02 ngày), Kiên Giang (11), Trà Vinh (9), Đồng Nai (9), Vĩnh Long (7), Cần Thơ (7), Bình Định (6), Bình Dương (6), Khánh Hòa (5), Bạc Liêu (5), Bà Rịa - Vũng Tàu (4), Cà Mau (4), Đắk Lắk (3), Bình Thuận (3), Quảng Ngãi (3), Phú Thọ (2), Hải Phòng (2), Bắc Giang (2), Tây Ninh (2), Vĩnh Phúc (1), Bắc Ninh (1), Huế (1), Hải Dương (1), Hà Giang (1), Hậu Giang (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế tham dự buổi họp về phối hợp phòng chống dịch và điều trị người bệnh COVID-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội do UBND thành phố Hà Nội tổ chức.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong khu vực cách ly, khu phong tỏa.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 12/01/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 37.021.250 mẫu cho 79.727.467 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 31.224.356 mẫu tương đương 75.979.528 lượt người, tăng 104.459 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.742.491 mẫu gộp cho 47.618.512 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Từ tháng 3/2021 đến hết ngày 12/01/2022, Việt Nam đã tiếp nhận 206.549.238 liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

* Theo loại vắc xin:

- Vắc xin AstraZeneca: 59.707.680 liều
- Vắc xin Pfizer và Moderna: 88.321.360 liều
- Vắc xin Sinopharm: 51.761.200 liều
- Vắc xin Abdala: 5.150.000 liều
- Sputnik V: 1.508.998 liều;
- Sputnik Light: 100.000 liều.

* Theo nguồn vắc xin:

- Nguồn Ngân sách nhà nước: 103.268.210 liều
- + 30.000.000/30.000.000 liều vắc xin mua của AstraZeneca.
- + 47.868.210/51.000.000 liều vắc xin mua của Pfizer.
- + 20.000.000/20.000.000 liều vắc xin mua của Sinopharm
- + 5.000.000/5.000.000 liều vắc xin Abdala mua của Cuba.
- + 400.000 liều vắc xin AstraZeneca mua của Chính phủ Hungary.

- Nguồn viện trợ COVAX: 49.616.820 liều
- Nguồn viện trợ Chính phủ các nước: 26.780.810 liều
- Nguồn doanh nghiệp tài trợ: 26.883.398 liều (trong đó Tập đoàn Vạn Thịnh Phát hỗ trợ 25.000.000 liều vắc xin Sinopharm)..

Trong tổng số 206,5 triệu liều vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận, Bộ Y tế đã phân bổ 119 đợt với tổng số 187,6 triệu liều, còn khoảng 18,9 triệu liều mới tiếp nhận, đang tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng

Đến hết ngày 12/01/2022, cả nước đã tiêm 164.482.313 liều (trong ngày tiêm được 927.829 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 87,7% số vắc xin phân bổ 119 đợt.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 150.253.014 liều, trong đó có 70.425.386 mũi 1; 65.511.252 mũi 2; 1.315.622 mũi 3 (vắc xin Abdala); 3.792.525 liều bổ sung và 9.208.229 liều nhắc lại. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 100%, tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản là 93,4% và tỷ lệ tiêm liều nhắc lại là 13,1% dân số từ 18 tuổi trở lên.

+ 39/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản trên 90%

+ 20/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản từ 80 – dưới 90%

+ 04/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản dưới 80% là Nghệ An (76,8%), Hà Giang (76,3%), Cao Bằng (78,9%) và Sơn La (75,4%).

- Về triển khai tiêm chủng cho đối tượng từ 12-17 tuổi: Các tỉnh, thành phố đã triển khai tiêm 14.229.299 liều, trong đó có 8.033.522 mũi 1 và 6.195.777 mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 90,1% và tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản là 69,5% dân số từ 12 -17 tuổi.

34 tỉnh, thành phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hòa Bình, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Yên Bái, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Nông, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Tiền Giang, Long An, Lâm Đồng, Tây Ninh, Sóc Trăng, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Phước, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Hậu Giang.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Công tác truy vết: Từ ngày 27/4 đến ngày 13/01/2022, cả nước đã truy vết được 1.444.525 trường hợp F1, trong đó có 1.088.774 trường hợp đã được xét nghiệm.

VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

IX. Hoạt động của các địa phương:

1. TP. Hồ Chí Minh: Sở Y tế TP. HCM xây dựng chiến lược tiếp cận và can thiệp với bệnh nhân hậu COVID-19. Trong đó, xác định mô hình bệnh tật, triệu chứng phổ biến người bệnh gặp phải. Đồng thời, phân tuyến điều trị, quản lý chăm sóc người bệnh hậu COVID-19 theo mô hình tháp 3 tầng.

2. Tỉnh Nghệ An: Trong bối cảnh dịch COVID-19 đang diễn biến phức tạp lại đúng dịp Tết đến, Xuân về, tỉnh Nghệ An có những điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới trong công tác phòng, chống dịch.

X. Nhận định

Đến nay, tình hình dịch cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc, trong ngày có 61 tỉnh, thành phố ghi nhận ca mắc trong cộng đồng. Thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát phòng chống dịch, nhất là thực hiện nghiêm công tác giám sát tại các điểm nhập cảnh để kịp thời phát hiện các trường hợp nhiễm biến chủng mới của vi rút; đẩy mạnh tốc độ tiêm chủng và tổ chức tiêm vết

vắc xin, đảm bảo thuốc và ô xy y tế, chăm sóc, điều trị người nhiễm SARS-CoV-2 sớm, ngay tại cơ sở.

XI. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Tăng cường giám sát các trường hợp nhập cảnh, giám sát cộng đồng, thực hiện việc cách ly, giám sát y tế, giám sát sự biến thể của vi rút SARS-CoV-2. Tổ chức khoanh vùng ổ dịch, điều tra truy vết, lấy mẫu xét nghiệm, đánh giá nguy cơ và áp dụng các biện pháp cách ly, phong tỏa phù hợp, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Mở rộng việc cách ly, quản lý điều trị bệnh nhân mắc COVID-19 tại nhà, nơi lưu trú, thu hẹp dần các khu cách ly tập trung.

2. Đẩy mạnh hơn nữa trong thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc xin, tổ chức tiêm an toàn, nhanh nhất. Khẩn trương hoàn thành việc tiêm mũi 2 cho người từ 18 tuổi trở lên; không để sót, đặc biệt người có bệnh nền, người trên 50 tuổi; hoàn thành tiêm mũi 2 cho người từ 12-18 tuổi trong tháng 01 năm 2022, mũi thứ 3 cho người từ 18 tuổi trở lên trong Quý I năm 2022, đặc biệt lưu ý các đối tượng thường xuyên di chuyển (18 đến 50 tuổi) và các nhóm đối tượng có nguy cơ cao mắc bệnh. Chủ động có kế hoạch, phương án tiêm vắc xin cho trẻ em từ 5 tuổi đến 11 tuổi theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới, thực tiễn thế giới và Việt Nam.

3. Tăng cường quản lý người có nguy cơ cao (người có bệnh nền, người trên 50 tuổi, phụ nữ có thai, người người chưa tiêm đủ vắc xin phòng COVID-19 ở người trên 18 tuổi); thực hiện xét nghiệm tầm soát phát hiện người mắc COVID-19; chăm sóc và điều trị người mắc COVID-19 thuộc nhóm nguy cơ; bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ khi người sống chung, người cùng gia đình bị mắc COVID-19; hỗ trợ chăm sóc thể chất và tâm lý xã hội.

4. Điều trị toàn diện, triệt để, giảm tử vong là ưu tiên hàng đầu; nâng cao năng lực y tế cơ sở, sẵn sàng về trang bị, nhân lực, thuốc điều trị, ô xy... Mở rộng triển khai mô hình Trạm Y tế lưu động và điều trị, quản lý các trường hợp F0 không có triệu chứng, triệu chứng nhẹ tại nhà; thành lập các mô hình đội tình nguyện, huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên... Triển khai mở rộng sử dụng thuốc điều trị COVID-19.

5. Tăng cường công tác truyền thông nâng cao cảnh giác của người dân trước biến thể Omicron, không tụ tập đông người khi không cần thiết, thực hiện nghiêm 5K, tham gia tiêm vắc xin đầy đủ, đặc biệt những người nhập cảnh và gia đình phải thực hiện nghiêm việc khai báo y tế, hạn chế tiếp xúc với người xung quanh, không ra khỏi nơi lưu trú, xét nghiệm SARS-CoV-2 khi mới nhập cảnh theo quy định.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 12/01 | Số mắc ngày 13/01 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 13/01 | Số tử vong tích lũy đến 12/01 |
|---|--------------------|-------------------|-------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------------|
| Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua: | | 16.066 | 16.700 | 634 | 1.969.092 | 34.929 |
| 1 | Hồ Chí Minh | 696 | 701 | 5 | 510.202 | 20.150 |
| 2 | Bình Dương | 34 | 24 | -10 | 291.584 | 3.312 |
| 3 | Đồng Nai | 93 | 104 | 11 | 99.069 | 1.554 |
| 4 | Tây Ninh | 473 | 451 | -22 | 84.070 | 745 |
| 5 | Hà Nội | 2.948 | 2.968 | 20 | 79.406 | 222 |
| 6 | Khánh Hòa | 772 | 677 | -95 | 55.295 | 218 |
| 7 | Vĩnh Long | 395 | 359 | -36 | 49.674 | 508 |
| 8 | Đồng Tháp | 133 | 141 | 8 | 46.144 | 710 |
| 9 | Cà Mau | 535 | 599 | 64 | 45.739 | 231 |
| 10 | Cần Thơ | 161 | 130 | -31 | 43.383 | 727 |
| 11 | Long An | 40 | 49 | 9 | 40.923 | 940 |
| 12 | Bình Phước | 641 | 726 | 85 | 38.458 | 108 |
| 13 | Tiền Giang | 27 | 57 | 30 | 34.809 | 1.063 |
| 14 | An Giang | 108 | 120 | 12 | 34.744 | 1.165 |
| 15 | Trà Vinh | 399 | 360 | -39 | 33.545 | 180 |
| 16 | Bạc Liêu | 210 | 185 | -25 | 33.354 | 307 |
| 17 | Kiên Giang | 125 | 76 | -49 | 31.780 | 649 |
| 18 | Sóc Trăng | 89 | 101 | 12 | 31.608 | 443 |
| 19 | Bến Tre | 499 | 593 | 94 | 30.911 | 274 |
| 20 | BRVT | 400 | 329 | -71 | 28.741 | 274 |
| 21 | Bình Thuận | 134 | 150 | 16 | 27.731 | 329 |
| 22 | Bình Định | 702 | 709 | 7 | 24.278 | 86 |
| 23 | Hải Phòng | 525 | 497 | -28 | 19.287 | 14 |
| 24 | T.T.Huế | 270 | 290 | 20 | 16.917 | 91 |
| 25 | Bắc Ninh | 375 | 346 | -29 | 16.336 | 19 |
| 26 | Đà Nẵng | 592 | 657 | 65 | 15.996 | 84 |
| 27 | Hậu Giang | 182 | 168 | -14 | 14.588 | 100 |
| 28 | Đắc Lắc | 1 | 417 | 416 | 13.574 | 72 |
| 29 | Lâm Đồng | 248 | 238 | -10 | 12.513 | 30 |
| 30 | Thanh Hóa | 354 | 337 | -17 | 11.603 | 11 |
| 31 | Hà Giang | 182 | 162 | -20 | 10.041 | 12 |
| 32 | Bắc Giang | 163 | 199 | 36 | 9.830 | 16 |
| 33 | Nghệ An | 133 | 158 | 25 | 9.508 | 36 |
| 34 | Hưng Yên | 270 | 324 | 54 | 9.371 | 2 |
| 35 | Phú Yên | 23 | 77 | 54 | 8.488 | 53 |
| 36 | Gia Lai | 59 | 93 | 34 | 8.483 | 22 |
| 37 | Quảng Nam | 208 | 201 | -7 | 8.335 | 19 |
| 38 | Quảng Ngãi | 253 | 276 | 23 | 8.303 | 32 |
| 39 | Quảng Ninh | 319 | 294 | -25 | 7.012 | 4 |

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 12/01 | Số mắc ngày 13/01 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 13/01 | Số tử vong tích lũy đến 12/01 |
|--|--------------------|-------------------|-------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------------|
| 40 | Đắc Nông | 120 | 123 | 3 | 6.477 | 14 |
| 41 | Ninh Thuận | 40 | 39 | -1 | 6.335 | 54 |
| 42 | Hải Dương | 245 | 203 | -42 | 5.557 | 6 |
| 43 | Nam Định | 227 | 128 | -99 | 5.387 | 3 |
| 44 | Vĩnh Phúc | 198 | 215 | 17 | 5.129 | 8 |
| 45 | Quảng Bình | 100 | 99 | -1 | 4.418 | 7 |
| 46 | Phú Thọ | 105 | 68 | -37 | 4.262 | 5 |
| 47 | Thái Bình | 103 | 121 | 18 | 4.056 | 0 |
| 48 | Thái Nguyên | 186 | 193 | 7 | 3.900 | 1 |
| 49 | Hà Nam | 85 | 99 | 14 | 3.634 | 0 |
| 50 | Hòa Bình | 171 | 211 | 40 | 3.395 | 4 |
| 51 | Quảng Trị | 68 | 83 | 15 | 3.120 | 2 |
| 52 | Lạng Sơn | | 121 | 121 | 2.452 | 7 |
| 53 | Sơn La | 106 | 73 | -33 | 2.383 | 0 |
| 54 | Ninh Bình | 114 | 69 | -45 | 2.036 | 0 |
| 55 | Hà Tĩnh | | 38 | 38 | 1.874 | 5 |
| 56 | Tuyên Quang | 99 | 126 | 27 | 1.695 | 0 |
| 57 | Kon Tum | | 76 | 76 | 1.401 | 0 |
| 58 | Lào Cai | 80 | 59 | -21 | 1.298 | 0 |
| 59 | Yên Bái | 60 | 46 | -14 | 1.294 | 0 |
| 60 | Điện Biên | 66 | 55 | -11 | 1.144 | 0 |
| 61 | Cao Bằng | 28 | 50 | 22 | 1.092 | 1 |
| 62 | Bắc Kạn | 56 | 18 | -38 | 679 | 0 |
| 63 | Lai Châu | 38 | 44 | 6 | 441 | 0 |
| 14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương: | | | | | | |
| Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới: | | | | | 202 | - |
| | BVNĐ TW | | | | 96 | |
| | BV K | | | | 106 | |
| | Tổng cộng | 16.066 | 16.700 | 634 | 1.969.294 | 34.929 |

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 12/01/2022)

| TT | Tỉnh | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala) | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 119 đợt |
|----|-------------|------------------------------|------------------------------|---|-------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------|--|
| 1 | Hà Nội | 6.167.827 | 5.890.021 | 0 | 225.100 | 1.250.308 | 690.955 | 623.050 | 14.847.261 | 90,2% |
| 2 | Hải Phòng | 1.659.430 | 1.525.307 | 0 | 41.169 | 49.351 | 152.042 | 148.204 | 3.575.503 | 89,1% |
| 3 | Thái Bình | 1.144.911 | 1.172.871 | 89.536 | 63.355 | 60.114 | 149.066 | 45.288 | 2.725.141 | 98,8% |
| 4 | Nam Định | 1.131.100 | 1.097.053 | 0 | 711 | 44.543 | 107.714 | 38.866 | 2.419.987 | 89,7% |
| 5 | Hà Nam | 579.274 | 566.256 | 0 | 230.756 | 54.914 | 70.914 | 69.043 | 1.571.157 | 94,0% |
| 6 | Ninh Bình | 636.194 | 622.073 | 0 | 2.107 | 66.564 | 82.166 | 76.925 | 1.486.029 | 97,2% |
| 7 | Thanh Hoá | 2.308.654 | 2.135.637 | 228.432 | 0 | 3.111 | 275.971 | 109.115 | 5.060.920 | 76,5% |
| 8 | Bắc Giang | 1.299.105 | 1.272.183 | 0 | 50.520 | 266.969 | 146.918 | 123.667 | 3.159.362 | 93,3% |
| 9 | Bắc Ninh | 1.116.241 | 1.059.902 | 0 | 126.521 | 230.580 | 115.134 | 107.139 | 2.755.517 | 92,1% |
| 10 | Phú Thọ | 964.132 | 862.588 | 0 | 7.011 | 3.613 | 124.342 | 66.675 | 2.028.361 | 93,7% |
| 11 | Vĩnh Phúc | 784.254 | 693.192 | 0 | 0 | 0 | 56.306 | 267 | 1.534.019 | 70,9% |
| 12 | Hải Dương | 1.245.141 | 1.164.567 | 1.629 | 42.358 | 215.528 | 155.937 | 104.425 | 2.929.585 | 90,0% |
| 13 | Hưng Yên | 817.997 | 782.371 | 0 | 0 | 9.238 | 105.348 | 103.577 | 1.818.531 | 84,8% |
| 14 | Thái Nguyên | 899.459 | 804.356 | 12.792 | 49.824 | 76.125 | 106.400 | 57.442 | 2.006.398 | 87,5% |
| 15 | Bắc Cạn | 209.078 | 193.915 | 0 | 0 | 5.926 | 20.307 | 2.265 | 431.491 | 76,4% |
| 16 | Quảng | 977.873 | 922.770 | 0 | 4.934 | 470.464 | 119.421 | 110.336 | 2.605.798 | 82,8% |

| TT | Tỉnh | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala) | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 119 đợt |
|----------------------|-------------|------------------------------|------------------------------|---|-------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------|--|
| | Ninh | | | | | | | | | |
| 17 | Hoà Bình | 526.417 | 494.124 | 0 | 0 | 0 | 74.836 | 65.172 | 1.160.549 | 77,0% |
| 18 | Nghệ An | 1.926.769 | 1.814.419 | 421.763 | 21.240 | 161.467 | 281.138 | 111.544 | 4.738.340 | 87,0% |
| 19 | Hà Tĩnh | 796.598 | 717.376 | 0 | 90.529 | 70.279 | 112.743 | 102.788 | 1.890.313 | 84,4% |
| 20 | Lai Châu | 251.921 | 238.145 | 0 | 34.782 | 34.581 | 50.628 | 44.726 | 654.783 | 87,9% |
| 21 | Lạng Sơn | 495.565 | 480.122 | 0 | 0 | 78.407 | 66.373 | 61.985 | 1.182.452 | 79,5% |
| 22 | Tuyên Quang | 552.467 | 476.196 | 0 | 0 | 106.775 | 1.870 | 37.738 | 1.175.046 | 90,4% |
| 23 | Hà Giang | 478.726 | 440.686 | 160 | 1.721 | 77.103 | 84.658 | 66.896 | 1.149.950 | 79,7% |
| 24 | Cao Bằng | 337.589 | 291.095 | 0 | 3.661 | 35.715 | 44.067 | 36.962 | 749.089 | 86,6% |
| 25 | Yên Bái | 506.144 | 486.280 | 0 | 65.886 | 76.154 | 76.986 | 72.425 | 1.283.875 | 95,0% |
| 26 | Lào Cai | 498.076 | 419.437 | 0 | 88.485 | 53.802 | 36.146 | 69.586 | 1.165.532 | 85,7% |
| 27 | Sơn La | 769.649 | 629.353 | 1.564 | 0 | 36.920 | 92.134 | 77.605 | 1.607.225 | 94,2% |
| 28 | Điện Biên | 329.248 | 294.862 | 0 | 28.281 | 48.274 | 62.029 | 49.871 | 812.565 | 79,8% |
| Cộng miền Bắc | | 29.409.839 | 27.547.157 | 755.876 | 1.178.951 | 3.586.825 | 3.462.549 | 2.583.582 | 68.524.779 | 87,5% |
| 29 | Quảng Bình | 526.428 | 501.130 | 0 | 0 | 26.976 | 67.009 | 35.060 | 1.156.603 | 87,3% |
| 30 | Quảng Trị | 426.838 | 403.198 | 9.292 | 3.896 | 16.767 | 58.593 | 25.970 | 944.554 | 80,3% |
| 31 | TT- Huế | 783.750 | 731.367 | 0 | 131.866 | 60.380 | 102.072 | 94.613 | 1.904.048 | 92,2% |

| TT | Tỉnh | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala) | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 119 đợt |
|------------------------|-------------|------------------------------|------------------------------|---|-------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------|--|
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 859.724 | 846.770 | 0 | 10.270 | 110.661 | 100.536 | 98.437 | 2.026.398 | 94,7% |
| 33 | Quảng Nam | 1.034.683 | 988.077 | 28.204 | 15.108 | 8.933 | 116.830 | 47.081 | 2.238.916 | 82,8% |
| 34 | Quảng Ngãi | 825.942 | 751.329 | 0 | 50 | 4.311 | 108.004 | 11.255 | 1.700.891 | 81,3% |
| 35 | Bình Định | 1.035.148 | 963.714 | 43.993 | 7.610 | 37.731 | 138.654 | 16.236 | 2.243.086 | 85,6% |
| 36 | Phú Yên | 617.489 | 567.845 | 0 | 1.846 | 46.207 | 84.111 | 56.900 | 1.374.398 | 88,3% |
| 37 | Khánh Hòa | 959.463 | 914.864 | 0 | 115.890 | 127.983 | 114.947 | 112.084 | 2.345.231 | 90,1% |
| 38 | Ninh Thuận | 428.696 | 392.347 | 0 | 75.656 | 49.322 | 59.252 | 53.217 | 1.058.490 | 87,7% |
| 39 | Bình Thuận | 915.299 | 842.653 | 0 | 42.554 | 13.019 | 67.701 | 44.349 | 1.925.575 | 80,8% |
| Cộng miền Trung | | 8.413.460 | 7.903.294 | 81.489 | 404.746 | 502.290 | 1.017.709 | 595.202 | 18.918.190 | 86,5% |
| 40 | Kon Tum | 315.289 | 288.809 | 2.726 | 8.629 | 12.235 | 58.110 | 46.479 | 732.277 | 77,2% |
| 41 | Gia Lai | 966.944 | 828.871 | 62.425 | 19.470 | 92.970 | 159.281 | 110.192 | 2.240.153 | 89,5% |
| 42 | Đắk Lắk | 1.232.373 | 1.122.344 | 0 | 14.359 | 67.096 | 196.374 | 72.256 | 2.704.802 | 85,7% |
| 43 | Đắk Nông | 401.059 | 391.654 | 0 | 45.423 | 54.520 | 67.958 | 66.117 | 1.026.731 | 90,0% |
| Cộng Tây Nguyên | | 2.915.665 | 2.631.678 | 65.151 | 87.881 | 226.821 | 481.723 | 295.044 | 6.703.963 | 86,5% |
| 44 | TP. HCM | 7.467.163 | 6.728.450 | 12.340 | 550.400 | 2.849.371 | 675.804 | 619.983 | 18.903.511 | 97,0% |

| TT | Tỉnh | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala) | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 119 đợt |
|----|------------|------------------------------|------------------------------|---|-------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------|--|
| 45 | BR-VT | 965.201 | 876.398 | 0 | 0 | 189.462 | 110.000 | 108.097 | 2.249.158 | 90,6% |
| 46 | Đồng Nai | 2.711.679 | 2.318.396 | 0 | 0 | 21.956 | 176.233 | 126.994 | 5.355.258 | 89,5% |
| 47 | Tiền Giang | 1.316.253 | 1.263.816 | 138.058 | 44.885 | 225.858 | 156.183 | 147.454 | 3.292.507 | 91,9% |
| 48 | Long An | 1.494.554 | 1.437.327 | 0 | 11.640 | 307.861 | 169.094 | 146.377 | 3.566.853 | 91,3% |
| 49 | Lâm Đồng | 972.285 | 942.979 | 0 | 245.410 | 73.239 | 134.123 | 111.546 | 2.479.582 | 95,9% |
| 50 | Tây Ninh | 870.967 | 818.997 | 10.161 | 25.631 | 208.566 | 88.766 | 86.353 | 2.109.441 | 84,2% |
| 51 | Cần Thơ | 922.060 | 1.226.657 | 5.840 | 61.756 | 36.687 | 105.400 | 49.006 | 2.407.406 | 93,2% |
| 52 | Sóc Trăng | 887.380 | 774.990 | 0 | 0 | 0 | 116.852 | 104.545 | 1.883.767 | 73,6% |
| 53 | An Giang | 1.353.909 | 1.334.750 | 182.090 | 227.772 | 100.228 | 198.514 | 182.090 | 3.579.353 | 93,6% |
| 54 | Bến Tre | 1.016.968 | 984.898 | 0 | 276.203 | 118.561 | 106.793 | 99.411 | 2.602.834 | 97,8% |
| 55 | Trà Vinh | 787.383 | 576.883 | 0 | 13.255 | 68.813 | 85.371 | 78.647 | 1.610.352 | 86,0% |
| 56 | Vĩnh Long | 769.986 | 742.281 | 0 | 87.743 | 79.746 | 91.107 | 86.306 | 1.857.169 | 85,4% |
| 57 | Đồng Tháp | 1.239.870 | 1.188.623 | 148 | 242.415 | 59.989 | 144.649 | 115.048 | 2.990.742 | 88,4% |
| 58 | Bình Dương | 2.379.843 | 1.939.931 | 0 | 22.061 | 236.033 | 186.968 | 141.929 | 4.906.765 | 84,4% |
| 59 | Bình Phước | 750.535 | 718.673 | 0 | 62.094 | 31.461 | 109.584 | 100.637 | 1.772.984 | 87,6% |
| 60 | Kiên Giang | 1.235.252 | 1.139.266 | 64.469 | 0 | 72.490 | 142.156 | 153.470 | 2.807.103 | 79,8% |
| 61 | Cà Mau | 814.541 | 806.248 | 0 | 55.316 | 60.360 | 111.615 | 108.680 | 1.956.760 | 89,0% |
| 62 | Bạc Liêu | 566.180 | 552.536 | 0 | 156.909 | 66.293 | 88.287 | 84.908 | 1.515.113 | 85,9% |

| TT | Tỉnh | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala) | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 119 đợt |
|----------------------|-----------|------------------------------|------------------------------|---|-------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------|--|
| 63 | Hậu Giang | 529.919 | 500.754 | 0 | 37.457 | 26.209 | 74.042 | 70.468 | 1.238.849 | 83,7% |
| Cộng miền Nam | | 29.051.928 | 26.872.853 | 413.106 | 2.120.947 | 4.833.183 | 3.071.541 | 2.721.949 | 69.085.507 | 90,4% |

Ghi chú:

- 8,2 triệu liều vắc xin đợt 114, 115, 116 có Quyết định phân bổ ngày 07/01/2022; 2,5 triệu liều vắc xin đợt 117, 118, 119 có Quyết định phân bổ ngày 10/01/2022 => các địa phương đang tiếp nhận vắc xin, chưa triển khai tiêm chủng.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 62.690 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam...), số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.556.220 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.127.918 liều, trong đó có 574.592 mũi 1, 518.459 mũi 2 và 34.867 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,16 triệu liều)

- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 121.956 liều, trong đó có 59.902 mũi 1, 37.811 mũi 2 và 24.243 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 872.000 liều)

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 12/01/2022)

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi |
|----|-------------|------------------------|----------------------|---|--|--|--|---|
| 1 | Hà Nội | 5.449.464 | 676.050 | 100,0% | 100,0% | 22,9% | 100,0% | 92,2% |
| 2 | Hải Phòng | 1.442.515 | 168.000 | 100,0% | 100,0% | 3,4% | 90,5% | 88,2% |
| 3 | Thái Bình | 1.245.000 | 150.000 | 92,0% | 94,2% | 4,8% | 99,4% | 30,2% |
| 4 | Nam Định | 1.159.000 | 145.000 | 97,6% | 94,7% | 3,8% | 74,3% | 26,8% |
| 5 | Hà Nam | 612.219 | 72.258 | 94,6% | 92,5% | 9,0% | 98,1% | 95,6% |
| 6 | Ninh Bình | 701.740 | 81.762 | 90,7% | 88,6% | 9,5% | 100,0% | 94,1% |
| 7 | Thanh Hoá | 2.605.729 | 292.547 | 88,6% | 82,0% | 0,1% | 94,3% | 37,3% |
| 8 | Bắc Giang | 1.322.538 | 168.720 | 98,2% | 96,2% | 20,2% | 87,1% | 73,3% |
| 9 | Bắc Ninh | 1.146.204 | 128.062 | 97,4% | 92,5% | 20,1% | 89,9% | 83,7% |
| 10 | Phú Thọ | 1.010.520 | 128.757 | 95,4% | 85,4% | 0,4% | 96,6% | 51,8% |
| 11 | Vĩnh Phúc | 810.197 | 126.825 | 96,8% | 85,6% | 0,0% | 44,4% | 0,2% |
| 12 | Hải Dương | 1.331.799 | 166.013 | 93,5% | 87,4% | 16,2% | 93,9% | 62,9% |
| 13 | Hưng Yên | 826.028 | 127.980 | 99,0% | 94,7% | 1,1% | 82,3% | 80,9% |
| 14 | Thái Nguyên | 918.061 | 107.936 | 98,0% | 87,6% | 8,3% | 98,6% | 53,2% |
| 15 | Bắc Cạn | 216.218 | 26.267 | 96,7% | 89,7% | 2,7% | 77,3% | 8,6% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi |
|----------------------|-------------|------------------------|----------------------|---|--|--|--|---|
| 16 | Quảng Ninh | 1.020.234 | 121.623 | 95,8% | 90,4% | 46,1% | 98,2% | 90,7% |
| 17 | Hoà Bình | 570.146 | 73.734 | 92,3% | 86,7% | 0,0% | 100,0% | 88,4% |
| 18 | Nghệ An | 2.362.582 | 312.022 | 81,6% | 76,8% | 6,8% | 90,1% | 35,7% |
| 19 | Hà Tĩnh | 795.436 | 115.398 | 100,0% | 90,2% | 8,8% | 97,7% | 89,1% |
| 20 | Lai Châu | 262.150 | 56.900 | 96,1% | 90,8% | 13,2% | 89,0% | 78,6% |
| 21 | Lạng Sơn | 506.403 | 65.750 | 97,9% | 94,8% | 15,5% | 100,0% | 94,3% |
| 22 | Tuyên Quang | 488.140 | 72.401 | 100,0% | 97,6% | 21,9% | 2,6% | 52,1% |
| 23 | Hà Giang | 577.586 | 105.690 | 82,9% | 76,3% | 13,3% | 80,1% | 63,3% |
| 24 | Cao Bằng | 368.973 | 44.257 | 91,5% | 78,9% | 9,7% | 99,6% | 83,5% |
| 25 | Yên Bái | 510.271 | 79.169 | 99,2% | 95,3% | 14,9% | 97,2% | 91,5% |
| 26 | Lào Cai | 445.152 | 79.914 | 100,0% | 94,2% | 12,1% | 45,2% | 87,1% |
| 27 | Sơn La | 834.690 | 136.147 | 92,2% | 75,4% | 4,4% | 67,7% | 57,0% |
| 28 | Điện Biên | 336.229 | 74.737 | 97,9% | 87,7% | 14,4% | 83,0% | 66,7% |
| Cộng miền Bắc | | 29.875.224 | 3.903.919 | 98,4% | 92,2% | 12,0% | 88,7% | 66,2% |
| 29 | Quảng Bình | 550.834 | 79.538 | 95,6% | 91,0% | 4,9% | 84,2% | 44,1% |
| 30 | Quảng Trị | 453.602 | 69.712 | 94,1% | 88,9% | 3,7% | 84,1% | 37,3% |
| 31 | TT- Huế | 779.911 | 103.142 | 100,0% | 93,8% | 7,7% | 99,0% | 91,7% |
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 885.070 | 102.225 | 97,1% | 95,7% | 12,5% | 98,3% | 96,3% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi |
|------------------------|------------|------------------------|----------------------|---|--|--|--|---|
| 33 | Quảng Nam | 1.086.469 | 140.387 | 95,2% | 90,9% | 0,8% | 83,2% | 33,5% |
| 34 | Quảng Ngãi | 852.717 | 114.877 | 96,9% | 88,1% | 0,5% | 94,0% | 9,8% |
| 35 | Bình Định | 1.115.072 | 146.514 | 92,8% | 86,4% | 3,4% | 94,6% | 11,1% |
| 36 | Phú Yên | 678.954 | 86.632 | 90,9% | 83,6% | 6,8% | 97,1% | 65,7% |
| 37 | Khánh Hòa | 952.940 | 95.000 | 100,0% | 96,0% | 13,4% | 100,0% | 100,0% |
| 38 | Ninh Thuận | 419.775 | 61.690 | 100,0% | 93,5% | 11,7% | 96,0% | 86,3% |
| 39 | Bình Thuận | 902.470 | 135.851 | 100,0% | 93,4% | 1,4% | 49,8% | 32,6% |
| Cộng miền Trung | | 8.677.814 | 1.135.568 | 97,0% | 91,1% | 5,8% | 89,6% | 52,4% |
| 40 | Kon Tum | 338.741 | 60.751 | 93,1% | 85,3% | 3,6% | 95,7% | 76,5% |
| 41 | Gia Lai | 950.154 | 173.530 | 100,0% | 87,2% | 9,8% | 91,8% | 63,5% |
| 42 | Đắk Lắk | 1.263.947 | 206.278 | 97,5% | 88,8% | 5,3% | 95,2% | 35,0% |
| 43 | Đắk Nông | 404.872 | 72.059 | 99,1% | 96,7% | 13,5% | 94,3% | 91,8% |
| Cộng Tây Nguyên | | 2.957.714 | 512.618 | 98,6% | 89,0% | 7,7% | 94,0% | 57,6% |
| 44 | TP. HCM | 7.300.000 | 760.000 | 100,0% | 92,2% | 39,0% | 88,9% | 81,6% |
| 45 | BR-VT | 956.596 | 112.724 | 100,0% | 91,6% | 19,8% | 97,6% | 95,9% |
| 46 | Đồng Nai | 2.489.971 | 292.031 | 100,0% | 93,1% | 0,9% | 60,3% | 43,5% |
| 47 | Tiền Giang | 1.300.609 | 158.524 | 100,0% | 97,2% | 17,4% | 98,5% | 93,0% |
| 48 | Long An | 1.452.231 | 167.662 | 100,0% | 99,0% | 21,2% | 100,0% | 87,3% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi |
|----------------------|------------|------------------------|----------------------|---|--|--|--|---|
| 49 | Lâm Đồng | 972.137 | 131.801 | 100,0% | 97,0% | 7,5% | 100,0% | 84,6% |
| 50 | Tây Ninh | 947.189 | 98.373 | 92,0% | 86,5% | 22,0% | 90,2% | 87,8% |
| 51 | Cần Thơ | 947.860 | 112.746 | 97,3% | 100,0% | 3,9% | 93,5% | 43,5% |
| 52 | Sóc Trăng | 866.520 | 111.555 | 100,0% | 89,4% | 0,0% | 104,7% | 93,7% |
| 53 | An Giang | 1.371.622 | 198.826 | 98,7% | 97,3% | 7,3% | 99,8% | 91,6% |
| 54 | Bến Tre | 1.038.922 | 104.446 | 97,9% | 94,8% | 11,4% | 100,0% | 95,2% |
| 55 | Trà Vinh | 698.227 | 87.422 | 100,0% | 82,6% | 9,9% | 97,7% | 90,0% |
| 56 | Vĩnh Long | 769.026 | 91.692 | 100,1% | 96,5% | 10,4% | 99,4% | 94,1% |
| 57 | Đồng Tháp | 1.245.157 | 159.614 | 99,6% | 95,5% | 4,8% | 90,6% | 72,1% |
| 58 | Bình Dương | 2.361.053 | 194.210 | 100,0% | 82,2% | 10,0% | 96,3% | 73,1% |
| 59 | Bình Phước | 758.594 | 107.044 | 98,9% | 94,7% | 4,1% | 100,0% | 94,0% |
| 60 | Kiên Giang | 1.190.277 | 189.132 | 100,0% | 95,7% | 6,1% | 75,2% | 81,1% |
| 61 | Cà Mau | 857.571 | 126.690 | 95,0% | 94,0% | 7,0% | 88,1% | 85,8% |
| 62 | Bạc Liêu | 572.580 | 90.822 | 98,9% | 96,5% | 11,6% | 97,2% | 93,5% |
| 63 | Hậu Giang | 536.163 | 70.270 | 98,8% | 93,4% | 4,9% | 100,0% | 100,0% |
| Cộng miền Nam | | 28.632.305 | 3.365.584 | 100,0% | 93,9% | 16,9% | 91,3% | 80,9% |

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 11/01/2022 đến 16h00 ngày 12/01/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.526 lượt người (nhập cảnh: 3.018, xuất cảnh: 2.508).
- + Tuyến VN-TQ: 2.456 lượt người (nhập cảnh: 1.235, xuất cảnh: 1.221).
- + Tuyến VN-Lào: 2.449 lượt người (nhập cảnh 1.475, xuất cảnh: 974).
- + Tuyến VN-CPC: 621 lượt người (nhập cảnh 308; xuất cảnh: 313).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 966 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 771 người (VN-TQ: 06, VN-Lào: 377, VN-CPC: 388).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 159 người (VN-TQ: 25; VN-Lào:06, VN-CPC: 128).
- + Số người trao trả: 36 người (VN-TQ: 32; VN-Lào: 0, VN-CPC: 04).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 09/01/2022 tới ngày 10/01/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 653 lượt người (nhập cảnh: 193 lượt người; xuất cảnh: 460 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.041 lượt người (nhập cảnh: 776 lượt người; xuất cảnh: 265 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 13/01, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 55 tin/bài tiếng Việt; 150 ảnh trong nước và quốc tế; 18 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19: 15 quốc gia ghi nhận trên 100.000 ca tử vong do COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN thông tin cập nhật chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế về phòng, chống dịch COVID-19, đặc biệt là đối với biến thể mới, các lưu ý về thuốc điều trị COVID-19, tăng cường biện pháp phòng, chống dịch bệnh và đảm bảo công tác y tế dịp Tết Nguyên đán 2022; tình hình dịch bệnh và công tác phòng chống trên các địa bàn: Thành phố Hồ Chí Minh triển khai chiến dịch bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ từ tháng 1/2022; Đà Nẵng đang khẩn trương hoàn thiện, sẵn sàng kích hoạt Bệnh viện dã chiến số 2; việc điều trị F0 tại nhà; thu phí xét nghiệm SARS-CoV-2 đối với các trường hợp cách ly, theo dõi sức khỏe tại nhà; đẩy mạnh tiêm vaccine phòng COVID-19; tăng cường cảnh báo người dân không chủ quan lơ là trong phòng, chống dịch; Đội

tuyển bóng đá nam quốc gia và đội tuyển bóng đá nữ quốc gia đang phải đối diện với khó khăn về lực lượng khi phát hiện cầu thủ dương tính với SARS-CoV-2...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh với một số thông tin đáng chú ý: Thế giới lần đầu ghi nhận hơn 3 triệu ca trong 1 ngày; WHO cảnh báo Omicron đặc biệt nguy hiểm với người chưa tiêm vaccine; Omicron dù nhẹ nhưng ảnh hưởng nặng nề đến hệ thống y tế; Hàn Quốc cấp phép sử dụng vaccine Novavax (Mỹ); Hong Kong (Trung Quốc) dự định dùng vaccine cho người lớn của Pfizer tiêm cho trẻ em; Lào tăng cường sản xuất Molnupiravir; nhiều nước châu Âu giảm thời gian cách ly phòng dịch...

IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 12/01, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.965.000 cuộc gọi (ngày 12/01 đã tiếp nhận và xử lý gần 20 nghìn cuộc gọi).

| | | | | | | | | | | |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 02/01 | 03/01 | 04/01 | 05/1 | 06/1 | 07/1 | 08/1 | 09/1 | 10/1 | 11/1 | 12/1 |
| 8989 | 13796 | 13256 | 17730 | 17896 | 19232 | 16142 | 16446 | 20753 | 23522 | 19569 |

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 12/01/2022 đã tiếp nhận hơn 309 nghìn cuộc (ngày 12/01/2022 đã tiếp nhận 81 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 – 12/01/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 12/01/2022 không thực hiện gọi ra).

| | | | | | | | | | | | | |
|--------------|----------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Tiêu chí | 01/01/22 | 02/1 | 03/1 | 04/1 | 05/1 | 06/1 | 07/1 | 08/1 | 09/1 | 10/1 | 11/1 | 12/1 |
| Cuộc gọi đến | 102 | 87 | 127 | 92 | 81 | 85 | 93 | 96 | 72 | 76 | 87 | 81 |

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 33.450.616 (17 ngàn với 12/01/2022, tăng 17.817 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 34,87% dân số, 50,16% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.671.906 điểm đăng ký

+ 214.228 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 215.363.971

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 164.482.312

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 156.702.242
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,27%
- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 31.894.577
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 14.784.585 (tăng 66.855 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 66.855 người

Hà Nội 9.495
 Bắc Giang 35.973
 Đồng Nai 3.811
 Quảng Bình 5.877
 Thừa Thiên Huế 5.546
 Yên Bái 3.086
 Thái Nguyên 715
 An Giang 387
 Đồng Tháp 357
 Bắc Ninh 418
 Bình Dương 299
 Cà Mau 93
 Sóc Trăng 71
 Bình Phước 531
 Khánh Hòa 62
 Vĩnh Phúc 90
 Lào Cai 27
 Đắk Nông 13
 Quảng Ninh 2
 Đà Nẵng 1
 Phú Yên 1

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 5.599.569 (tăng 42.794 người)

Quảng Ninh 844
 Hải Dương 398
 Bình Thuận 176
 Phú Yên 1
 Bãi Cháy 75
 TP HCM 2.013
 Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh 657

Bình Định 32
Yên Bái 631
Lào Cai 13
Thái Nguyên 189
An Giang 63
Bắc Giang 26.630
Bắc Ninh 4.473
Bình Dương 153
Cà Mau 6
Đà Nẵng 1
Đồng Nai 990
Đồng Tháp 19
Hà Nội 1.469
Khánh Hòa 317
Quảng Bình 1.025
Sóc Trăng 9
Thừa Thiên Huế 381
Tiền Giang 206
Vĩnh Phúc 79
Bệnh viện ĐK Tư nhân Hùng Vương 1
TTYT Thanh Thủy - Phú Thọ 1
Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh 38
Bệnh viện sản nhi TWG Long An 61
SOVICO 593
Bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn - Sóc Trăng 20
Bệnh viện Hồng Ngọc 964
Chi cục Thú y vùng II 2
Bệnh viện đa khoa Quang Khởi - Nghệ An 1
Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh 2
Bệnh viện Vạn Phúc - HCM 2
Bệnh viện Nhi đồng 2 250
Phòng khám đa khoa Hòa Hảo 9

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...